



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Công ty Cổ phần
Công nghệ - Viễn thông Elcom

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM.

Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tel: 024 3835 9359

Email: hn.info@elcom.com.vn

Website: elcom.com.vn

MỤC LỤC

Thông tin chung 01

Thông điệp của Chủ tịch	03
Tổng quan về Elcom	05
Lịch sử hình thành và phát triển	07
Lĩnh vực hoạt động/ngành nghề kinh doanh	09
Khách hàng, đối tác	13
Văn hóa doanh nghiệp	15
Cơ cấu quản trị và mô hình quản lý	17
Công ty con - Công ty liên kết	18
Các rủi ro	21
Giới thiệu Ban lãnh đạo	25
Thông tin về vốn, cổ phần, cổ đông	26
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	28
Chính sách liên quan đến người lao động	29

Đánh giá hoạt động kinh doanh 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023 31

Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc về hoạt động kinh doanh	33
Tình hình tài chính	35
Báo cáo đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	37
Kế hoạch Kinh doanh năm 2023	38

Quản trị công ty 39

Báo cáo hoạt động của HĐQT	41
Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát	45

Báo cáo tài chính 51

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	54
Báo cáo kiểm toán độc lập	57
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	65



I. THÔNG TIN CHUNG



TỔNG QUAN VỀ ELCOM

TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn Công nghệ thông tin - Viễn thông hàng đầu tại Việt Nam và vươn ra khu vực, là nơi quy tụ những con người giàu năng lực, cùng chung niềm đam mê và cùng hướng tới mục tiêu dẫn dắt nhu cầu để tiên phong phát triển các giải pháp công nghệ thông minh phục vụ đời sống con người và xã hội

SỨ MỆNH

Lấy con người làm trung tâm, công nghệ làm phương tiện để phục vụ cộng đồng, sáng tạo các giải pháp công nghệ thông minh, có tính ứng dụng cao, để định hình nhu cầu tương lai và mang lại chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn cho con người, từ đó, góp phần mang thương hiệu Việt ghi dấu trên bản đồ công nghệ Thế giới

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY:

- ▶ Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
- ▶ Tên viết tắt: ELCOM CORP
- ▶ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101435127
- ▶ Vốn điều lệ: 587.788.430.000 đồng
- ▶ Vốn chủ sở hữu: 911.439.045.825 đồng
- ▶ Địa chỉ: Toà nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
- ▶ Số điện thoại: +8424 38 359 359
- ▶ Số Fax: +8424 38 355 884
- ▶ Website: <https://www.elcom.com.vn>
- ▶ Mã cổ phiếu: ELC

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Được thành lập từ năm 1995, trải qua hơn 1/4 thế kỷ hình thành và phát triển, Elcom đã từng bước vươn lên trở thành tập đoàn dẫn đầu về các giải pháp công nghệ thông tin và cung cấp sản phẩm, dịch vụ viễn thông. Elcom hiện là đối tác chiến lược của các hãng công nghệ thông tin - viễn thông thuộc Top 5 trên thế giới cũng như các tập đoàn hàng đầu trong nước.

Elcom sở hữu đội ngũ nhân sự giàu năng lực và tinh thần thiện chiến, với hơn 40% nhân sự thuộc mảng nghiên cứu công nghệ và phát triển sản phẩm (R&D). Nhờ vậy, Elcom tiên phong cung cấp các giải pháp công nghệ đặc thù, ứng dụng hiệu quả cho các ngành kinh tế trọng điểm, bao gồm: Viễn thông, An ninh Quốc phòng, Giao thông vận tải, Giáo dục và Y tế...

1995

Thành lập Công ty TNHH Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông tại Hà Nội với trụ sở chính đặt tại 12A Lý Nam Đế, Ba Đình, Hà Nội

1995

Thành lập Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo phát triển phần mềm (SDTC)

2000

Sản phẩm EYS khắc phục sự cố máy tính Y2K mang đến cho Elcom tiếng vang đầu tiên trong cộng đồng doanh nghiệp CNTT Việt Nam

2004

Elcom chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Thành lập các công ty con trực thuộc; Thành lập Chi nhánh Elcom tại Thành phố Hồ Chí Minh

2006

Thành lập Công ty Cổ phần Vật liệu mới (Elcom Industry) hoạt động trên các lĩnh vực Chế tạo và sản xuất các sản phẩm từ nhựa Composite

2007

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do BVQI (Cục Veritas chất lượng quốc tế) chứng nhận và được tổ chức ANAB (Hoa kỳ) công nhận

2008

Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo phần mềm (SDTC) trở thành Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom

2010

Cổ phiếu ELC chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

2011

Bước chân vào thị trường giao thông với hệ thống quản lý giao thông trên biển VTS

2012

Làm chủ hoàn toàn công nghệ giám sát vệ tinh VSAT và vệ tinh Inmarsat phục vụ An ninh Quốc phòng
Khánh thành tòa nhà Elcom tại phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Năm 2014, lọt vào Top 30 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam

2015

Thành công với nhiều sản phẩm công nghệ phục vụ giao thông công cộng (như hệ thống đèn tín hiệu, hướng dẫn đỗ xe tự động, quản lý phương tiện vận tải,...) được sử dụng rộng rãi tại nhiều thành phố; nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và năm trong Top 40 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam

2016

Nằm trong Top 50 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam hạng mục Phần mềm, Giải pháp và Dịch vụ CNTT

Chính thức mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ sang thị trường châu Mỹ
Thuộc Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam

Hoàn thành triển khai dự án quan trọng đường trục truyền dẫn Bắc Nam cho đối tác chiến lược Mobi-Fone

2017

Phát triển mảng sản phẩm và giải pháp dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao EGREEN
Nằm trong Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2017
Nằm trong Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)

2018

Elcom nằm trong Top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2018 hạng mục Phần mềm, Giải pháp và Dịch vụ CNTT

2019

Đẩy mạnh nghiên cứu các công nghệ AI, Big Data, Cloud,...

2021

Nhận giải thưởng Top 10 doanh nghiệp Cung cấp giải pháp công nghệ thông tin cho thành phố thông minh và Top 10 doanh nghiệp dịch vụ, giải pháp công nghệ thông tin do Hiệp hội Vinasat trao tặng

2022

Elcom thay đổi bộ nhận diện thương hiệu sau hơn ¼ thế kỷ hình thành và phát triển đi cùng với chiến lược mở rộng thị trường mới.

Công ty cũng đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom. Dẫn đầu thị trường giao thông thông minh và vinh dự giành Giải thưởng Sản phẩm số Make in Vietnam xuất sắc do Bộ Thông tin và Truyền thông trao tặng.

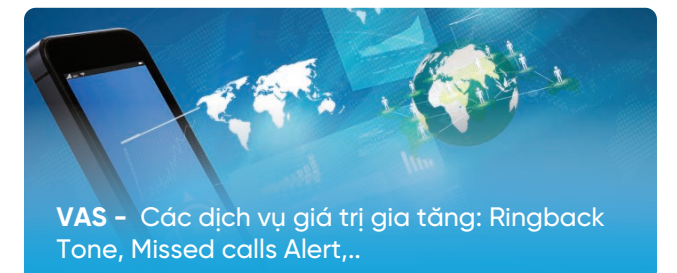
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Hơn ¼ thế kỷ hình thành và phát triển, Elcom đã không ngừng nghiên cứu, làm chủ các công nghệ tiên tiến nhất hiện nay như AloT, Big Data, Cloud để phát triển sản phẩm công nghệ có tính đặc thù cao, ứng dụng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực trọng điểm.



VIỄN THÔNG

Với năng lực sản xuất và ứng dụng công nghệ, Elcom hiện là đối tác lâu đời và uy tín, cung cấp các giải pháp sản phẩm, dịch vụ công nghệ cho các tập đoàn công nghệ thông tin - viễn thông lớn nhất tại Việt Nam như Viettel, Vinaphone, Mobifone... và các tập đoàn lớn trên thế giới như Ciena, LG, IBM, DELL...



GIÁO THÔNG THÔNG MINH

Với hơn 10 năm kinh nghiệm tham gia thị trường chuyển đổi số giao thông, Elcom đã và đang là một trong những đơn vị đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ mới để "thông minh hoá" những con đường Việt Nam. Elcom mang tới cho các đơn vị một hệ sinh thái hoàn thiện các sản phẩm giao thông thông minh.

Trong đó, Elcom liên tiếp được tin tưởng lựa chọn triển khai hệ thống giao thông thông minh toàn diện cho nhiều dự án thành phần thuộc dự án cao tốc Bắc Nam. Elcom cũng triển khai hơn 25 trạm thu phí toàn quốc, mỗi tháng ghi nhận hơn 5.000.000 lượt xe. Bên cạnh đó, eWIM của Elcom đã có mặt tại hơn 130 trạm cân trên khắp cả nước, mỗi tháng trung bình xử lý 400.000 lượt xe đi qua.

Đó là một trong những con số đáng tự hào của đội ngũ Elcom, vì những nỗ lực không ngừng nghỉ trên hành trình ghi dấu tại nhiều dự án giao thông trọng điểm trên toàn quốc, để nâng cao chất lượng hạ tầng giao thông Việt Nam, góp phần hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về giao thông.



— GIAO THÔNG THÔNG MINH



WIM (Weighing-in-Motion) – Kiểm soát tải trọng xe tự động



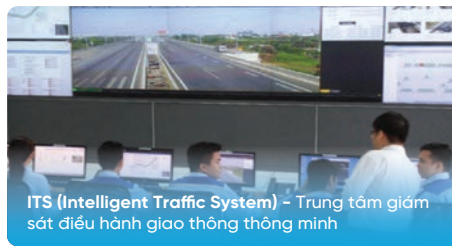
AI Vision – Nền tảng phân tích video thông minh



ITMON – Hệ thống giám sát và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ



AI Camera – Camera thông minh ứng dụng AI



ITS (Intelligent Traffic System) – Trung tâm giám sát điều hành giao thông thông minh



ETC (Electronic Toll Collection) – Thu phí điện tử không dừng

— CHUYỂN ĐỔI SỐ

Với kinh nghiệm ứng dụng các công nghệ hiện đại nhất để cung cấp các giải pháp thông minh cho lĩnh vực trọng điểm, Elcom đã và đang nghiên cứu, phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số cho các tỉnh/thành với nhiều hệ thống thành phần quan trọng như: Trung tâm Giám sát và Điều hành thông minh Elcom IOC; Nền tảng Dữ liệu dùng chung EDMP; Hệ thống Giám sát An ninh Trật tự EPSS; AI Chatbot; Hệ thống Social Listening....



Trung tâm Giám sát và Điều hành thông minh Elcom IOC



Nền tảng Dữ liệu Dùng chung EDMP



Hệ thống Giám sát An ninh Trật tự

— AN NINH QUỐC PHÒNG

Elcom được Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng – Bộ Quốc phòng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia vào hoạt động công nghiệp quốc phòng tại Việt Nam từ năm 2015. Với năng lực công nghệ và khả năng nắm bắt nhu cầu của khách hàng, hiểu rõ các đặc thù ngành An ninh – Quốc phòng, các giải pháp của Elcom luôn đáp ứng được yêu cầu về tính năng, độ ổn định và tính bảo mật, nhận được sự tin nhiệm cao của khách hàng và đối tác trong lĩnh vực đặc biệt này.

Elcom đã và đang cung cấp nhiều giải pháp thông tin liên lạc, truyền dẫn, giám sát, chặn thu, trung tâm chỉ huy, trung tâm điều khiển, các giải pháp an toàn thông tin, giám sát mạng và một số sản phẩm chuyên dụng vv... cho nhiều đơn vị thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng Việt Nam.



GIẢI PHÁP AN NINH – QUỐC PHÒNG

- Giám sát trên biển
- Phát hiện, đánh chặn và theo dõi
- Trung tâm điều khiển/trung tâm chỉ huy
- Cơ sở hạ tầng mạng



GIẢI PHÁP AN NINH THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT MẠNG

- Giải pháp an ninh mạng
- Ghi nhật ký và Giám sát điện thoại



GIẢI PHÁP CHUYÊN DỤNG

- EyeSea – Hệ thống Giám sát tàu thuyền
- UAV, USV



GIẢI PHÁP TRUYỀN DẪN THÔNG TIN LIÊN LẠC

- Giải pháp thông tin liên lạc
- Truyền dẫn (có dây/không dây)

— DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN

Dựa trên thế mạnh trong việc nghiên cứu, phát triển các giải pháp phần mềm ứng dụng công nghệ có độ khó cao, tích hợp cùng phần cứng, Elcom đã cho ra mắt hàng loạt các hệ sinh thái kỹ thuật số của mình.

Trong đó, Nền tảng Chăm sóc sức khỏe trực tuyến 1SK của Elcom đã cán mốc 10.000 người dùng chỉ sau chưa đầy nửa năm ra mắt; hay Nền tảng Giáo dục trực tuyến CoLearn của Elcom luôn duy trì trung bình 100.000 lượt sử dụng của các thầy cô và các em học sinh trên toàn quốc...

Đây là một trong những mảng được Elcom đầu tư, với sứ mệnh không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách số. Dù ở bất cứ nơi đâu, người dùng sản phẩm của Elcom cũng có thể tiếp cận những công nghệ giáo dục và y tế tốt nhất hiện nay.



CoLearn – Nền tảng giáo dục trực tuyến



1SK – Nền tảng chăm sóc sức khỏe và rèn luyện toàn diện

KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC

ĐỐI TÁC



KHÁCH HÀNG



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tại Elcom, con người được xem là một trong những khí tài quan trọng nhất. Elcom ngày hôm nay được hình thành nên từ sự nỗ lực bền bỉ của từng Elcomer trong suốt hành trình hơn 1/4 thế kỷ đã qua. Bởi vậy, con người cũng là trung tâm cho mọi hoạt động văn hoá doanh nghiệp tại Elcom.

Bên cạnh các chính sách phúc lợi, Elcom cũng sở hữu hệ thống hoạt động văn hoá nổi bật.



Chuỗi sự kiện thường niên liên tục đổi mới sáng tạo qua mỗi năm là sân chơi cho các Elcomers bùng nổ, tự tin khoe cá tính, màu sắc như:

- Chuỗi hoạt động Vào hạ
- Lễ kỷ niệm thành lập công ty
- Chào mừng các ngày lễ quan trọng của năm như 08/03, 20/10, chào xuân...
- Chương trình triển khai mục tiêu và kế hoạch định kỳ hàng năm



Để tạo nên một Elcom làm hết sức – chơi hết mình, công ty luôn khuyến khích sự phát triển của các câu lạc bộ thể thao – văn hoá văn nghệ như câu lạc bộ bóng đá, cầu lông, bóng bàn, zumba...



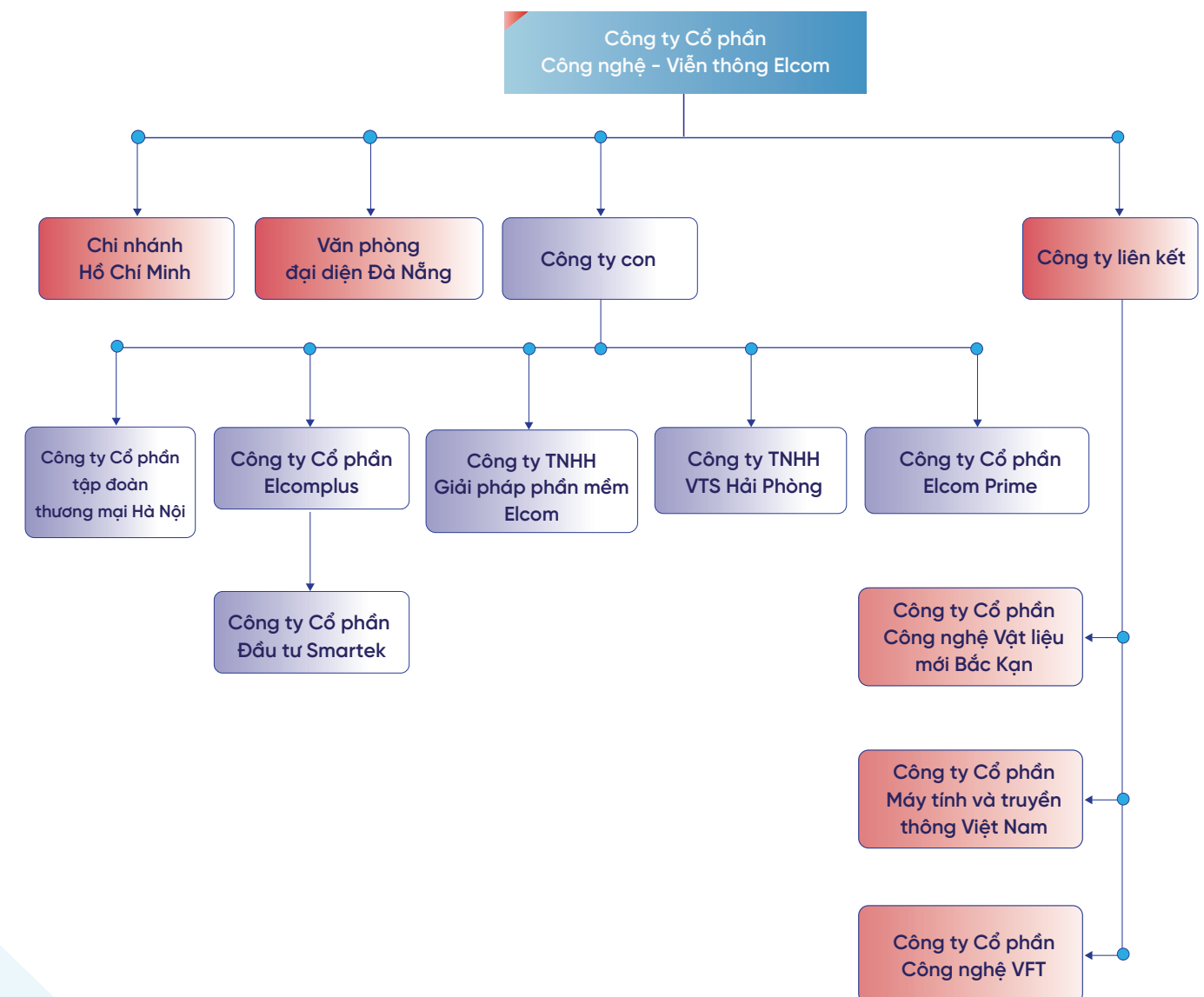
CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ

Mô hình quản lý và sơ đồ tổ chức Công ty



CÔNG TY CON VÀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và các văn bản pháp luật có liên quan khác.



● Trụ sở chính Công ty Cổ phần Công nghệ – Viễn thông Elcom

- ▶ Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
- ▶ Điện thoại: (024) 3835 9359
- ▶ Fax: (024) 3835 5884
- ▶ Website: www.elcom.com.vn
- ▶ Email: hn.info@elcom.com.vn

● Chi nhánh, văn phòng đại diện

- ▶ **Chi nhánh Hồ Chí Minh**
 - Địa chỉ: 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (024) 3553 4980/81
 - Email: hcm.info@Elcom.com.vn
- ▶ **Văn phòng đại diện Đà Nẵng:**
 - Địa chỉ: tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.
 - Điện thoại: (051) 1362 6888



● Các Công ty con

Elcom hiện đang nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của các Công ty con sau:

- ▶ **Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom**
Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3835 9359 Fax: (024) 3835 5884
- ▶ **Công ty TNHH VTS Hải Phòng**
Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 0914 208 484
- ▶ **Công ty Cổ phần Elcomplus**
Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3835 9359 Fax: (024) 3835 5884
Email: info@elcom.com.vn
- ▶ **Công ty Cổ phần ElcomPrime**
Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Hà Phan, số 5 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28). 62756716
Fax: (84-28). 62756717
- ▶ **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội**
Địa chỉ: Tầng 6, số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 0975844156

● Các Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty, bao gồm:

- ▶ **Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn:**
Địa chỉ: Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam
Điện thoại: 0919 368 998 Fax: 0281.3810869
- ▶ **Công ty Cổ Phần Máy tính và truyền thông Việt Nam:**
Địa chỉ: Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3771 5126
Email: vninfor@hn.vnn.vn
- ▶ **Công ty Cổ Phần Công nghệ VFT:**
Địa chỉ: Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84) 24 33 845 847 Fax: (84) 24 33 845 359

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

NĂM 2022

Chúng ta bước vào năm 2022 cùng mối đe dọa về nguy cơ lạm phát, kinh tế thế giới suy thoái tạo ra nhiều rủi ro sâu rộng đến hoạt động của doanh nghiệp. Trong bối cảnh này, Ban Lãnh đạo Elcom phải đảm đương “nhiệm vụ kép” trong việc cân bằng giữa lợi nhuận ngắn hạn và chuyển đổi dài hạn, cụ thể là vừa phải dẫn dắt doanh nghiệp vượt qua khó khăn thực tại, vừa phải chuẩn bị tiềm lực cho doanh nghiệp trong tương lai. Vì vậy, chiến lược kinh doanh và mô hình hoạt động của Công ty năm 2022 được điều chỉnh linh hoạt để nhanh chóng nắm bắt cơ hội và giảm thiểu thiệt hại, trong đó công tác quản trị được quan tâm gồm:

► Xây dựng tầm nhìn chiến lược 2022- 2025 gồm:

Định hình Mẫu con người Elcom, định vị vị thế Công ty, mô hình kinh doanh và mô hình quản trị, trong đó xác định tiềm năng thị trường, những khó khăn, thách thức và rủi ro đe dọa nguy cơ phát triển tổ chức.

► Triển khai thực hiện hợp đồng

Duy trì xây dựng kế hoạch hàng tháng/quý gắn với mục tiêu doanh thu, thu tiền và các mốc quan trọng của triển khai hợp đồng, phân bổ mục tiêu đến từng cá nhân, bộ phận để bám sát thúc đẩy. Tuy nhiên sự thiếu hụt nguồn cung hàng hóa, giá cả nguyên vật liệu tăng cao, mức độ hoàn thiện sản phẩm đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ triển khai và thực hiện mục tiêu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

► Quản trị nguồn nhân lực

Đối với người lao động ngày nay, mức độ hài lòng trong công việc cũng không kém quan trọng so với các lợi ích tài chính. Họ muốn công việc có ý nghĩa hơn, phù hợp với năng lực và được làm việc trong một môi trường phù hợp với các giá trị của mình. Elcom xác định muốn cạnh tranh được trên thị trường, cần dựa vào giá trị gia tăng của nguồn nhân lực tài năng mang lại, đặc biệt là với Công ty công nghệ. Do đó phải xây dựng được chính sách nhân sự hiệu quả để phát triển nguồn lực phù hợp với mục tiêu của Công ty. Công ty đã định hình mẫu người Elcom “Chủ động – Sáng tạo – Kỷ luật – Tử tế”, chú trọng xây dựng đội ngũ kế cận với mong muốn phát triển Elcom theo mô hình đồng sở hữu, vừa tạo động lực phát triển, vừa tạo cơ hội giữ chân và thu hút nhân tài, phân lớp cán bộ “Keys” để có chiến lược đầu tư và phát triển nhân sự phù hợp.

► Nghiên cứu phát triển sản phẩm

Đứng trước rủi ro về đổi mới đột phá khiến Ban Lãnh đạo Elcom phải trả lời câu hỏi nên tập trung vào cách Công ty sẽ thích ứng với công nghệ đột phá, hay nên tập trung vào sự phát triển công nghệ để tạo sự đột phá. Theo đó, Elcom đã định hướng thị trường và sản phẩm trong từng giai đoạn để đón đầu nhu cầu công nghệ, trước hết sẽ tập trung vào các sản phẩm phục vụ Giao thông thông minh, Chăm sóc sức khỏe, cuộc sống thông minh, Tài chính số.. Với nhận thức rõ nếu Elcom không tìm kiếm nghiên cứu những công nghệ mới, những sáng tạo mới thì rủi ro về đổi mới có thể khiến Công ty không thể duy trì trong “top” Công ty Công nghệ hàng đầu.

► Củng cố Mô hình 3 tuyến trong quản trị doanh nghiệp

Xác định rõ hơn trách nhiệm các bên liên quan:

Trách nhiệm giải trình với các cổ đông thuộc về

- HĐQT, đảm bảo sự chính trực, định hướng và minh bạch.

Trách nhiệm thi hành (gồm quản lý rủi ro) để đạt các mục tiêu của tổ chức thông qua các quyết định dựa trên định hướng rủi ro với nguồn lực phù hợp được thực hiện với Ban điều hành và quản lý cấp trung. Tại đây, tuyến 1 (đơn vị sở hữu rủi ro) có trách nhiệm cung cấp sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng kèm với quản lý rủi ro, còn tuyến 2 có trách nhiệm hỗ trợ, khuyến nghị và giám sát việc quản lý rủi ro thực hiện bởi tuyến 1.

Trách nhiệm đưa ra những tư vấn, đảm bảo về các vấn đề liên quan đến hoàn thành mục tiêu của tổ chức nhằm đảm bảo sự độc lập, khách quan được thực hiện bởi kiểm toán nội bộ (Tuyến 3).

Đối mặt với những bất ổn khó đoán định, chi phí tăng cao do lạm phát và sự gián đoạn chuỗi cung ứng, Công ty phải tập trung vào hiệu quả, đảm bảo hoạt động ổn định và khả năng cạnh tranh để đưa Công ty vượt qua những tác động bất lợi từ môi trường kinh doanh toàn cầu. Bên cạnh đó, để chuẩn bị bước phát triển trong tương lai, Công ty phải không ngừng đổi mới, từ lựa chọn nghiên cứu công nghệ mới đến cân nhắc chuyển đổi mô hình kinh doanh.

Những rủi ro được xác định trong công tác quản trị hiện nay

Trong khi cơ hội tăng trưởng bị hạn chế trước những thách thức phức tạp như xung đột địa chính trị, lạm phát, gián đoạn chuỗi cung ứng, quản trị nguồn lực, doanh nghiệp còn chịu áp lực từ nhiều bên trong việc thực thi các tiêu chuẩn về Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG). Theo đó, việc xác định những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty rất quan trọng, cần phân tích tối ưu tương quan giữa cơ hội và khẩu vị rủi ro, để sẵn sàng biện pháp ứng phó nhằm đạt được mục tiêu, những rủi ro được xác định gồm:

Thay đổi về kinh tế và chính trị, luật định: Những ảnh hưởng của hậu đại dịch kết hợp với các chu kỳ kinh tế vĩ mô, những thay đổi về chính sách, luật định có khả năng tạo ra những tác động tiêu cực về môi trường, lĩnh vực Công ty hoạt động, khiến Công ty phải đối mặt với những thách thức và bất ổn.

Đứt gãy chuỗi cung ứng: Sự thiếu hụt nguyên vật liệu, giá cả leo thang, vận chuyển hàng hóa chậm trễ đã cảnh báo tầm quan trọng của duy trì chuỗi cung ứng trong việc hỗ trợ cho tổ chức hoàn thành các mục tiêu chiến lược. Để Công ty hoạt động ổn định, thành công, phải có khả năng lựa chọn, duy trì và giám sát mối quan hệ với các đối tác, nhà cung cấp bên ngoài.

Đổi mới đột phá: Trong kỷ nguyên của các mô hình kinh doanh sáng tạo, công nghệ thay đổi thường xuyên, đòi hỏi Công ty phải chuẩn bị thích ứng và tìm kiếm các cơ hội, đổi mới. Đổi mới đột phá tạo ra những thách thức lớn trong quản lý rủi ro, như việc đánh giá cấp độ rủi ro và khả năng sẵn sàng của tổ chức cho việc thích nghi và phải đạt được những thành tựu mới từ sự đột phá này

An ninh mạng: Các cuộc tấn công mạng ngày càng phát triển với mức độ tinh vi và phức tạp có thể gây những tổn thất về danh tiếng, uy tín của tổ chức, kéo theo những hệ lụy về tài chính. Do vậy, Công ty phải chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với những nguy hiểm từ tấn công mạng.

Quản lý nguồn nhân lực: Trong giai đoạn lạm phát, suy thoái, người lao động có xu hướng ít được đào tạo cơ bản về công việc và thiếu kết nối/truyền động lực để hoàn thành các mục tiêu của tổ chức. Nếu các vấn đề này không được củng cố, tổ chức có thể tự đặt vào các tình thế nguy hiểm trong tương lai về kiểm soát và quản trị rủi ro. Điều này khiến Công ty phải cân nhắc đến mong muốn của người lao động về đảm bảo môi trường làm việc, sức khỏe, lương, thưởng, lợi ích, cũng như cân bằng giữa cuộc sống và công việc.

Quản trị doanh nghiệp: Gồm hệ thống các quy định, luồng công việc, xử lý và kiểm soát trong quá trình hoạt động, là cách mà tổ chức thúc đẩy hoặc ngăn cản việc hoàn thành mục tiêu. Theo đó, quản trị hướng tới tinh gọn, hiệu quả luôn là bài toán đòi hỏi Ban lãnh đạo Elcom phải xem xét, điều chỉnh để thích ứng kịp thời, nắm bắt được những cơ hội tiềm ẩn trong khó khăn.

Văn hóa doanh nghiệp: là hệ thống các giá trị, những chuẩn mực, các quan niệm và hành vi của doanh nghiệp. Nó không chỉ chi phối hoạt động của các thành viên trong Công ty, mà còn tạo ra bản sắc kinh doanh riêng. Văn hóa doanh nghiệp tác động đến tinh thần, thái độ, động cơ lao động của các thành viên trong Công ty, giúp Công ty trở thành một cộng đồng làm việc hợp tác, tin cậy, gắn bó, thân thiện và cùng tiến tới mục tiêu chung. Do đó, Công ty phải thấu hiểu, kiểm soát được tinh thần, động lực và các hoạt động để dẫn dắt những hành vi theo mục tiêu mong muốn.

Các rủi ro nêu trên có mối quan hệ tác động lẫn nhau nên bất cứ rủi ro nào cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục, danh tiếng, uy tín của Công ty. Tuy nhiên, lạm phát, biến động kinh tế vĩ mô và đổi mới đột phá sẽ là các mối đe dọa hàng đầu cho sự ổn định của tổ chức trong thời gian tới. Quản lý rủi ro trong môi trường kinh doanh hiện nay không chỉ là vấn đề ứng phó với những thay đổi, mà còn là thay đổi cách chúng ta nhìn nhận để linh hoạt hơn, khi chúng ta nhìn theo cách mới, chúng ta có thể mở ra những cơ hội mới.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

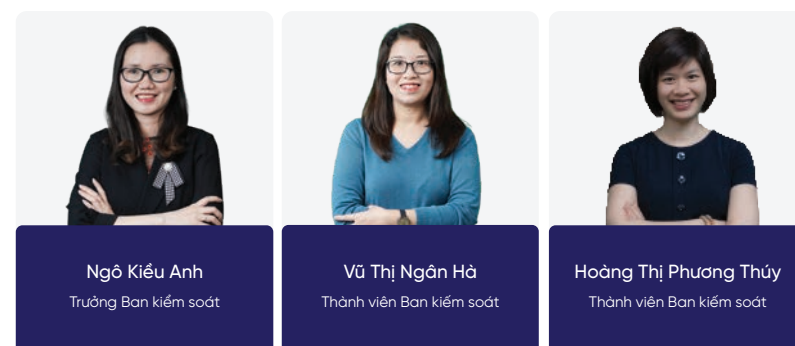
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BAN ĐIỀU HÀNH



BAN KIỂM SOÁT

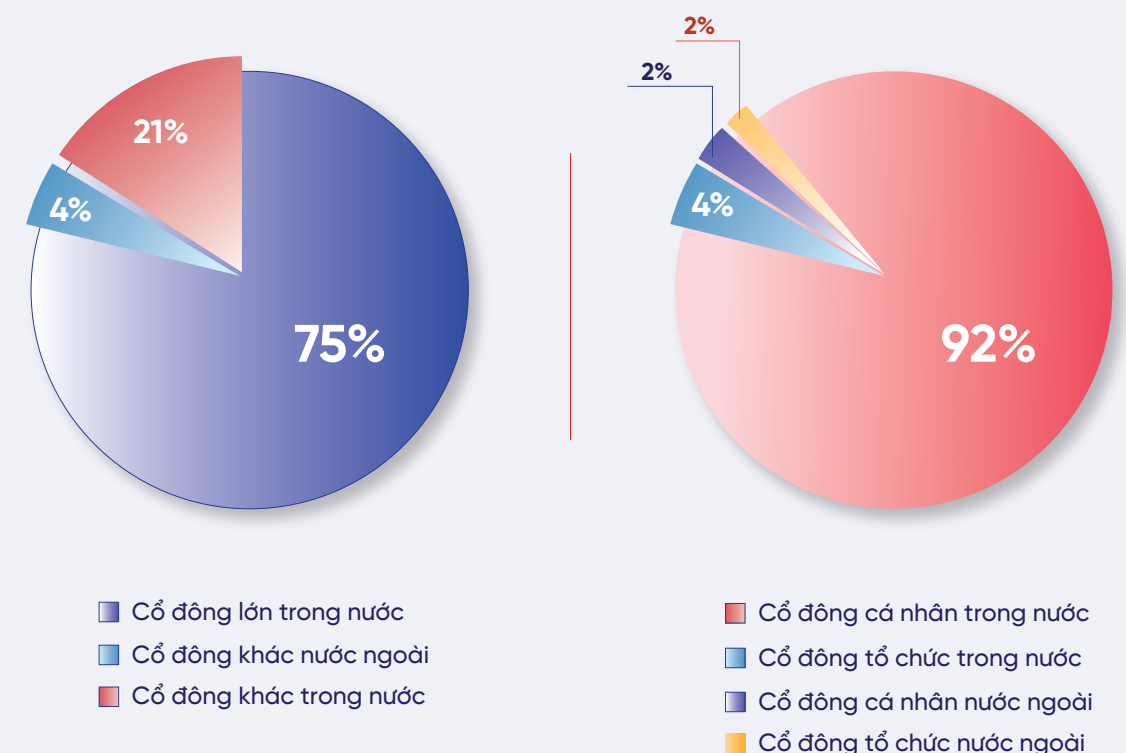


THÔNG TIN VỀ VỐN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Thông tin về vốn, cổ phần tại thời điểm 31/12/2022:

- Vốn điều lệ**
587.788.430.000 đồng
- Loại cổ phiếu**
Cổ phiếu phổ thông
- Khối lượng cổ phiếu đã phát hành**
58.778.843 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu**
10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành**
tại thời điểm 31/12/2022 là
58.778.843 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa**
của Công ty Cổ phần
Công nghệ - Viễn thông Elcom là **49%**

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2022) theo tỷ lệ sở hữu



Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	4.434.106	8,71%	5.504.941	9,37%	Mua và nhận CP phát hành tăng vốn từ nguồn vốn CSH
2	Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	581.457	1,14%	703.859	1,20%	Mua và nhận CP phát hành tăng vốn từ nguồn vốn CSH
3	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Vợ của Thành viên HĐQT Nguyễn Mạnh Hải	432.651	0,85%	446.948	0,76%	Mua và nhận CP phát hành tăng vốn từ nguồn vốn CSH
4	Công ty TNHH đầu tư DT&T	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT	3.105.514	6,10%	2.071.341	3,52%	Mua và nhận CP phát hành tăng vốn từ nguồn vốn CSH
5	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên BKS	22.551	0,04%	15.333	0,03%	Mua và nhận CP phát hành tăng vốn từ nguồn vốn CSH



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

- ▶ Elcom là công ty công nghệ cao có lĩnh vực hoạt động chủ yếu về sản xuất các sản phẩm phần mềm, tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp và các dịch vụ kỹ thuật cho các ngành Viễn thông, An ninh Quốc phòng, Giao thông vận tải... Các hoạt động này không làm phát sinh các khí thải công nghiệp cũng như khí thải nhà kính.
- ▶ Công ty thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế và tiết giảm lượng điện tiêu thụ: lập lịch bật tắt các hệ thống kỹ thuật để tự động tắt khi không sử dụng, hưởng ứng giờ Trái đất, thay thế các đèn chiếu sáng trong văn phòng từ bóng đèn huỳnh quang sang đèn led để tăng độ sáng và giảm điện năng tiêu thụ....
- ▶ Để xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Tòa nhà Elcom đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam về nước thải sinh hoạt, Elcom đã xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Tòa nhà Elcom. Cụ thể như sau:
 - Nước thải từ Lavarbo, thoát sản được thu gom bằng đường ống thoát nước, sau đó chảy vào bể tự hoại
 - Nước thải từ nhà ăn, căng tin được thu gom bằng song chắn rác, bể mỡ, sau đó chảy vào bể tự hoại
 - Nước thải từ chậu tiểu, bể xí thu gom bằng đường ống thoát nước, sau đó chảy vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý
 - Tại bể tự hoại 3 ngăn, nước thải được xử lý bằng phương pháp lắng và phân hủy sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại phố Duy Tân.
- ▶ Hệ thống xử lý nước thải của Elcom được vận hành liên tục, thường xuyên nhằm đảm bảo xử lý nước thải, đáp ứng lưu lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Chất lượng nước thải sau khi được xử lý đảm bảo theo quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- ▶ Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động và không nhận được bất kỳ yêu cầu khắc phục nào của cơ quan, thanh tra, kiểm tra và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường.



CHÍNH SÁCH

LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Thực hiện nghỉ vào chiều thứ 7 và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đài ngộ thoả đáng cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

Các chế độ về ngày phép và các ngày nghỉ khác tuân thủ hướng dẫn từ Luật lao động.



Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Riêng khối công nghệ đã triển khai thu hút sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.



Chính sách đào tạo

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng của nguồn nhân lực, Công ty đã dành ngân sách và thời gian để thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao.



Chính sách lương thưởng

Lương, thưởng của cán bộ nhân viên được chi trả căn cứ vào hiệu quả công việc, thực tế đóng góp của từng người vào kết quả sản xuất kinh doanh của công ty theo quy chế tiền lương cụ thể được công bố tới từng cán bộ nhân viên.

Mức lương được chia làm 2 phần chính là Lương cơ bản: phù hợp với quy định của Luật lao động và Thưởng theo hiệu quả công việc cá nhân tháng/quý theo đánh giá hiệu quả cá nhân hàng tháng/quý.

Ngoài ra, có phần thưởng theo hiệu quả, thành tích: Theo doanh thu/doanh số; theo lợi nhuận, theo thành tích đặc biệt.

Mức thưởng cuối năm và thưởng tháng lương thứ 13 dựa trên hiệu quả kinh doanh chung của Công ty. Ban lãnh đạo xác định quỹ thưởng cho từng phòng, trên cơ sở đó các trưởng bộ phận phân chia cho từng cán bộ nhân viên trong phòng theo quy định của công ty và hướng dẫn của bộ phận nhân sự.



Chế độ trợ cấp

Hỗ trợ ăn trưa tại Công ty đảm bảo tính an toàn và tiện nghi đặc biệt trong mùa dịch.

Khám sức khỏe định kỳ (thông thường danh mục/chi phí khám cao hơn gấp 2 so với quy định của Luật lao động).

Gói bảo hiểm sức khỏe (từ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện) được thiết kế dành riêng cho cán bộ nhân viên Elcom nhằm giảm thiểu những rủi ro không may mắc phải với mức bồi hoàn, mức bảo vệ và dịch vụ khám cao cấp. Việc được mua gói bảo hiểm sức khỏe dựa trên đánh giá theo kết quả công việc, cống hiến và thâm niên nên đã trở thành động lực thúc đẩy cán bộ nhân viên luôn hoàn thành công việc.



II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2022 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá chung về kết quả kinh doanh năm 2022

	Kế hoạch 2022 (tỷ đồng)	Thực hiện 2022 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Doanh thu thuần	1000	863,3	86,3%
Lợi nhuận sau thuế	70	37,4	53,4%

Năm 2022, Công ty đạt doanh thu 863 tỷ, hoàn thành 86,3% so với kế hoạch, tăng trưởng 30% so với doanh thu năm 2021. Tuy nhiên, trong bối cảnh chịu hệ lụy nặng nề từ đại dịch Covid khiến giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí nhân công trên thế giới tăng mạnh, cùng với đó là sự biến động của tỷ giá, lãi suất cho vay tăng cao,...đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh. Do vậy, mặc dù doanh thu tăng trưởng khá nhưng lợi nhuận chưa đạt được như kỳ vọng và mới hoàn thành 53,4% kế hoạch.

Kết quả kinh doanh Công ty trong năm 2022 tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng khá ở mảng Giao thông thông minh và đóng góp cao trong cơ cấu kinh doanh Công ty. Trong năm 2022, Elcom đã ký kết hợp đồng triển khai hệ thống giao thông thông minh (ITS) cho đoạn cao tốc Diễn Châu – Bãi Vọt – đây là dự án triển khai hệ thống ITS toàn diện đầu tiên cho 1 trong 12 phân đoạn cao tốc thuộc Dự án cao tốc Bắc – Nam Giai đoạn 1. Tiếp nối đà trên, đầu năm 2023, Elcom tiếp tục ký kết hợp đồng lớn triển khai hệ thống ITS cho đoạn cao tốc Nha Trang – Cam Lâm. Với việc Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư công, trong đó ưu tiên cao tuyến đường cao tốc Bắc – Nam, cùng với đó là sự sẵn sàng của Elcom về mặt Giải pháp Sản phẩm đã được nghiên cứu, thử nghiệm, hoàn thiện và khẳng định trên thực tế qua các hợp đồng đã và đang triển khai thi giai đoạn tới, mảng ITS sẽ mang lại cho Elcom rất nhiều tiềm năng, cơ hội để tiếp tục triển khai mạnh cho các phân đoạn khác thuộc Dự án cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 1 và giai đoạn 2. Ngoài Giải pháp sản phẩm ITS, các Giải pháp sản phẩm công nghệ cao của Elcom trong mảng Giao thông như hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC), hệ thống kiểm soát tải trọng xe (WIM), Camera AI,...vẫn tiếp tục được Elcom triển khai, cung cấp đến khách hàng. Tuy nhiên, do đặc điểm triển khai các hệ thống giao thông thông minh do Công ty cung cấp phụ thuộc vào hạ tầng của các dự án Giao thông. Do vậy, trong năm 2022 do tiến độ triển khai hạ tầng một số dự án lớn chưa theo kế hoạch, do vậy Công ty chưa kịp ghi nhận kết quả từ một số hợp đồng lớn đã ký, đang triển khai.

Mảng kinh doanh An ninh quốc phòng – đây vẫn luôn là mảng kinh doanh “đặc thù”, duy trì được kết quả và sự đóng góp ổn định trong cơ cấu kinh doanh của Công ty qua các năm. Năm 2022, Mảng An ninh quốc phòng tiếp tục triển khai các giải pháp sản phẩm chiến lược cho thị trường An ninh quốc phòng như Giám sát, trinh sát (VSAT,UHF,VHF,...); Security; IPcore, access; Truyền dẫn DWDM và các giải pháp sản phẩm chuyên dụng khác. Bên cạnh đó, các giải pháp chiến lược mới cho thị trường đặc thù này vẫn luôn được Elcom tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm theo định hướng chiến lược của Công ty để đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời tạo ra những giải pháp, sản phẩm tiên phong, đi đầu, tiếp nối những giải pháp, sản phẩm tiêu biểu hiện có.



Mảng thị trường Viễn thông là mảng kinh doanh truyền thống, cốt lõi của Công ty. Elcom tiếp tục tập trung vào các mảng giải pháp sản phẩm chiến lược như Truyền dẫn DWDM, Truyền dẫn IP, Đồng bộ tín hiệu, Giám sát quang, RAN/OpenRAN/SmallCell, Synchronization, VAS Telecom và các sản phẩm Elcom như hệ thống ESB, hệ thống MCA, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật công nghệ cao,...Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng giai đoạn hậu Covid nên hàng hóa, nguyên vật liệu khan hiếm khiến thời gian nhập hàng kéo dài, chi phí tăng cao làm giảm hiệu quả, kéo dài thời gian, nhiều dự án bị chậm tiến độ.

Mảng kinh doanh B3 cung cấp các nền tảng ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục, y tế cho khách hàng cá nhân, tiêu biểu là Colearn – ứng dụng học tập trực tuyến và 1SK – ứng dụng hỗ trợ người dùng rèn luyện và chăm sóc sức khỏe, sau thời gian ngắn ra mắt người dùng đã đạt được những mốc kết quả khả quan và bắt đầu mang lại những đóng góp trong kết quả chung của Công ty, mở ra cơ hội phát triển hơn trong các năm tiếp theo.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu chính	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	% Tăng/Giảm (+/-)
Tổng giá trị tài sản	1.145.326	1.144.875	-0,04%
Doanh thu thuần	659.132	863.283	30,97%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	129.082	140.492	8,84%
Lợi nhuận trước thuế	58.794	46.523	-20,87%
Lợi nhuận sau thuế	50.308	37.372	-25,71%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 và 2022 đã được kiểm toán của Công ty)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	3,28	3,66
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	2,76	3,11
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,24	0,20
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,32	0,26
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng hóa, Hàng tồn kho BQ	Lần	2,86	5,50
Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần, Tổng tài sản</i>	Lần	0,58	0,75
Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần Tổng tài sản ngắn hạn BQ</i>	Lần	0,63	1,02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,63	4,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	5,84	4,20
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	3,81	3,26
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	947	605

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty

Số liệu về doanh thu, lợi nhuận theo BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán của Công ty, cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần: 863,3 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 46,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 37,4 tỷ đồng

Trong năm 2022, Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung đối phó với những biến động, bất ổn về kinh tế - xã hội của thời kỳ hậu Covid để ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Vượt qua những khó khăn trong nước như căng thẳng về nguồn cung khiến giá xăng dầu, hàng hoá tăng vọt, Chính phủ phải thắt chặt chính sách tiền tệ để kiểm chế lạm phát, các Ngân hàng đồng loạt tăng lãi suất, rủi ro về tỷ giá USD ..., cuối năm 2022 và đầu năm 2023 Công ty đã ký kết những Hợp đồng có giá trị lớn vài trăm tỷ để triển khai các hệ thống giao thông thông minh (ITS) cho các dự án cao tốc Nha Trang - Cam Lâm, cao tốc Diễn Châu - Bãi Vọt... Trong thời gian tới, cùng với việc Chính phủ đang đẩy mạnh giải ngân cho lĩnh vực đầu tư công, trong đó ưu tiên cao cho tuyến đường cao tốc Bắc - Nam, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng và kỳ vọng các Giải pháp sản phẩm công nghệ cao của Elcom

trong lĩnh vực Giao thông như hệ thống giao thông thông minh, hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC), hệ thống kiểm soát tải trọng xe (WIM), Camera AI... sẽ tiếp tục bứt phá mạnh mẽ về mặt doanh thu và lợi nhuận, đồng thời tiếp tục định vị thương hiệu Elcom trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục triển khai các giải pháp sản phẩm chiến lược cho các thị trường An ninh quốc phòng như Giám sát, trinh sát (VSAT,UHF,VHF,...); Security; IPcore, access; Truyền dẫn DWDM...và thị trường viễn thông như Truyền dẫn DWDM, Truyền dẫn IP, Đồng bộ tín hiệu, Giám sát quang, RAN/OpenRAN/SmallCell, Synchronization, VAS Telecom....

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023, Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục định hướng chiến lược sau:

Sản phẩm

- Luôn nghiên cứu - phát triển, tạo ra các DÒNG sản phẩm MAKE IN ELCOM đứng số 1 ở Việt Nam về chất lượng và ứng dụng để cung cấp dài hạn, nhiều lần cho các đối tượng khách hàng chiến lược của mình.
- Luôn nghiên cứu, hợp tác, làm chủ các DÒNG sản phẩm của các hãng thuộc top 3/5 trên thế giới để cung cấp dài hạn nhiều lần cho các đối tượng khách hàng chiến lược của mình.

Khách hàng

Luôn luôn xây dựng để có được tập khách hàng mục tiêu Chiến lược đảm bảo đủ khả thi, bền vững cho các mục tiêu bán hàng hàng năm.

Các mảng kinh doanh

- Mảng kinh doanh B1 (gồm những hoạt động kinh doanh cốt lõi hiện hữu) và B4 (đầu tư và phát triển bất động sản): là các mảng kinh doanh chủ lực của Elcom trong dài hạn;
- Mảng kinh doanh B2 (cung cấp các sản phẩm, giải pháp công nghệ (SaaS, PaaS) cho khách hàng doanh nghiệp) và B3 (cung cấp các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục (Colearn), y tế (Vital Sign), sức khỏe (ISK) cho Khách hàng cá nhân) vẫn tiếp tục được đầu tư.

Tổ chức, quản trị

- Bám sát và thúc đẩy các giá trị cốt lõi là Chủ động, Kỷ luật, Sáng tạo, Tử tế;
- Bộ máy tổ chức hướng đến mục tiêu Tinh, Hiệu quả, có Hệ thống cho dài hạn.

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty:



Doanh thu thuần
850 tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế TNDN
56 tỷ đồng



Cổ tức
Tối đa 12%

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:

HĐQT Elcom gồm có 07 thành viên, trong có 02 thành viên HĐQT độc lập và 6 thành viên HĐQT không điều hành tuân thủ theo quy định của pháp luật về số lượng thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT.

Danh sách các thành viên HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phan Chiến Thắng	Thành viên	28/04/2022	
2	Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	28/04/2022	
3	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	28/04/2022	
4	Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	28/04/2022	
5	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	28/04/2022	
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	28/04/2022	28/04/2022
7	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	28/04/2022	
8	Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	28/04/2022	

(Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT và Ông Nguyễn Đức Thiện - Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 09/05/2022).



Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	15	100%	
2	Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	15	100%	
3	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	15	100%	
4	Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	15	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	15	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	5	33,3%	Do miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022
7	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	15	100%	
8	Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT độc lập	10	66,6%	Do được bầu từ ngày 28/04/2022

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

HĐQT đã có những quyết sách chỉ đạo tình hình kinh doanh của Công ty và giám sát hoạt động của Ban điều hành trong năm 2022 như sau:

- ▶ Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 để trình ĐHCĐ thông qua; Đốc thúc, giám sát Ban điều hành triển khai các dự án kinh doanh, phát triển các sản phẩm thương mại, củng cố và mở rộng thị trường, khách hàng.
- ▶ Tập trung đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm công nghệ của Công ty như các ứng dụng trực tuyến trong các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, giáo dục, nhằm gia tăng số lượng khách hàng là người dùng cuối.
- ▶ Chỉ đạo công tác tổ chức ra mắt Bộ nhận diện thương hiệu mới của Công ty, thay đổi tên Công ty để phù hợp với chu kỳ phát triển mới của Công ty trong thời gian tới.
- ▶ Kiến toàn bộ máy tổ chức, phát triển, trẻ hoá nguồn nhân lực nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo trẻ, năng động, nhiệt huyết, sáng tạo, dám nghĩ dám làm.
- ▶ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022: Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, thay đổi mẫu dấu, thay đổi Đăng ký kinh doanh...
- ▶ Chỉ đạo việc hoàn thành và công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, Báo cáo tài chính các Quý năm 2022;

- Chỉ đạo, giám sát triển khai hoạt động công bố thông tin minh bạch, kịp thời đến các nhà đầu tư;

► Chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận liên quan triển khai, tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022; tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

► Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Các tiểu ban Hội đồng quản trị đã tham gia tư vấn, giám sát, tham mưu cho Hội đồng quản trị theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	01-03/2022/NQ-HĐQT	10/03/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và một số vấn đề khác	100%
2	01-03/2022/NQ-HĐQT	11/03/2022	Thông qua việc triển khai phát triển các sản phẩm công nghệ Cam AI, 1SK, Colearn.	100%
3	03-03/2022/NQ-HĐQT	14/03/2022	Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu và một số vấn đề liên quan	100%
4	04-03/2022/NQ-HĐQT	15/03/2022	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022	100%
5	05-03/2022/NQ-HĐQT	31/03/2022	Thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần tập đoàn thương mại Hà Nội	100%
6	01-05/2022/NQ-HĐQT	09/05/2022	Thông qua bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT, lựa chọn đơn vị kiểm toán và một số nội dung khác	100%
7	02-05/2022/NQ-HĐQT	09/05/2022	Thông qua thay đổi mẫu dấu và Quy chế sử dụng con dấu.	100%
8	01-06/2022/NQ-HĐQT	28/06/2022	Thông qua giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	100%
9	01-07/2022/NQ-HĐQT	15/07/2022	Thông qua hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Quân đội	100%
10	01-08/2022/NQ-HĐQT	15/08/2022	Thông qua hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	100%

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
11	02-08/2022/NQ-HĐQT	29/08/2022	Thông qua lịch thực hiện quyền mua cổ phiếu và quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
12	01-09/2022/NQ-HĐQT	09/09/2022	Thông qua hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam	100%
13	02-10/2022/NQ-HĐQT	11/10/2022	Thông qua gia hạn thời gian đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2022	100%
14	01-11/2022/NQ-HĐQT	17/11/2022	Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
15	03-11/2022/NQ-HĐQT	29/11/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện các công việc theo phân công nhiệm vụ như sau:

- ▶ Bà Ngô Kiều Anh – Trưởng BKS: Phụ trách chung và phụ trách kiểm soát về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ;
- ▶ Bà Vũ Thị Ngân Hà – Thành viên BKS: Phụ trách kiểm soát về pháp chế, tuân thủ, quản trị rủi ro;
- ▶ Bà Hoàng Thị Phương Thúy – Thành viên BKS: Phụ trách kiểm soát về công tác quản trị điều hành, chính sách, đãi ngộ.

Năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc kiểm soát theo quy định và tiến hành 3 cuộc họp với sự tham dự đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát, nội dung như sau:

Phiên họp	Tỷ lệ tham dự	Số buổi tham dự
Phiên họp thứ 1 Ngày 28/2/2022	3/3	Thảo luận và đánh giá về tình hình hoạt động 6 tháng cuối năm 2021 của Công ty (tình hình hoạt động của HĐQT, Ban TGD và việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ) Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 Đánh giá báo cáo tài chính riêng và BCTC Hợp nhất năm 2021 Các vấn đề cần lưu ý, khuyến nghị đối với Ban Lãnh đạo Công ty và Bộ phận Tổng nhất kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022
Phiên họp thứ 2 Ngày 07/4/2022	3/3	Đánh giá kết quả các hoạt động của HĐQT, Ban TGD Đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2021 Thông nhất các nội dung đưa vào Báo cáo trình ĐHCĐ thường niên năm 2021
Phiên họp thứ 3 Ngày 9/9/2022	3/3	Thảo luận và đánh giá về tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty (tình hình hoạt động của HĐQT, Ban TGD và việc thực hiện các NQ của ĐHCĐ) Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 Đánh giá báo cáo tài chính riêng và BCTC Hợp nhất 6 tháng 2022 Các vấn đề cần lưu ý, khuyến nghị đối với Ban Lãnh đạo Công ty và Bộ phận Các vấn đề cần lưu ý, khuyến nghị đối với Ban Lãnh đạo Công ty và Bộ phận thông qua rà soát tình hình kinh doanh, BCTC

Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty trong năm 2022.

Về giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ

- ▶ Công ty đã thực hiện công bố thông tin kịp thời theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:
 - Các giao dịch cổ phiếu ELC của các cổ đông nội bộ, người quản lý và người có liên quan;
 - Các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm;

- Các Báo cáo quản trị công ty 6 tháng và hàng năm theo định kỳ;
- Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

- ▶ Công ty đã thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2022 theo Tờ trình số 02/2022/TT – BKS ngày 07/4/2022 đã được ĐHCĐ thông qua.
- ▶ Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty theo NQ số 01/2022/NQ-ĐHCĐ ngày 26/1/2022. Kết quả của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng đã được báo cáo tại văn bản số 1711/BC-EL ngày 17/11/2022.
- ▶ Công ty đã thực hiện thưởng cổ phiếu quý cho Người lao động đợt 2 là 109.595 cổ phiếu (trong tổng số 309.595 cổ phiếu đã được ĐHCĐ thưởng niên năm 2021 thông qua tại NQ số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 27/4/2021)
- ▶ Công ty đã thực hiện sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo nội dung cụ thể tại Tờ trình số 03/2022/TT-HĐQT ngày 05/01/2022 đã được ĐHCĐ thông qua
- ▶ Công ty đã thực hiện sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 04/2022/TT-HĐQT ngày 05/01/2022 đã được ĐHCĐ thông qua và thực hiện cập nhật Điều lệ Công ty theo mức vốn điều lệ mới.
- ▶ Công ty chưa thực hiện: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động đã được ĐHCĐ thông qua tại NQ 01/2022/NQ-ĐHCĐ ngày 26/1/2022.

Về giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- ▶ Năm 2022, HĐQT đã họp và thông qua Nghị quyết về các vấn đề:
 - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2022;
 - Thông qua việc triển khai phát triển các sản phẩm công nghệ Cam AI, 1SK, Colearn;
 - Thông qua việc bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm Phó TGD Công ty;
 - Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.
 - Quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán TTP là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022;
 - Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu, hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022 và các vấn đề liên quan;
 - Thông qua việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần tập đoàn thương mại Hà Nội;
 - Thông qua thay đổi mẫu dấu và Quy chế sử dụng con dấu của Công ty;
 - Thông qua gia hạn thời gian đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2022;
 - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung giao dịch với người có liên quan;
 - Thông qua triển khai việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS;
 - Thông qua tài sản đảm bảo và hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng giao dịch.
- ▶ Thể thức và nội dung cuộc họp được thực hiện theo đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- ▶ Trong thời kỳ kinh doanh nhiều khó khăn, HĐQT đã kịp thời đưa ra định hướng, giá trị cốt lõi và đồng hành với Ban điều hành trong quá trình thực hiện mục tiêu của Công ty. Các thông tin về hợp đồng, dự án quan trọng, kế hoạch và tình hình thực hiện mục tiêu doanh thu, lợi nhuận cũng được cập nhật từ Ban điều hành và quản lý cấp trung để HĐQT nắm bắt sát sao tình hình sản xuất kinh doanh từ đó có thể điều chỉnh linh hoạt chiến lược, mô hình kinh doanh.

Về giám sát hoạt động của Ban Điều hành

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới suy thoái, nguy cơ lạm phát đe dọa đến hoạt động của doanh nghiệp, Ban điều hành ELCOM phải đảm đương “nhiệm vụ kép” trong việc vừa dẫn dắt doanh nghiệp vượt qua khó khăn thực tại, vừa phải chuẩn bị tiềm lực cho tương lai, các hoạt động chính trong công tác điều hành năm 2022 gồm:

- ▶ Xác định quy mô phát triển của Công ty và giải pháp kinh doanh theo định hướng chiến lược giai đoạn 2022-2025;
- ▶ Xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu mới của Công ty, thay đổi tên Công ty để phù hợp với chu kỳ phát triển mới;
- ▶ Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt trọng tâm vào các Hợp đồng mảng Chính phủ, Doanh nghiệp tổ chức, là 2 mảng có nguồn doanh thu lớn để giao mục tiêu kế hoạch đến từng bộ phận, cá nhân và tăng cường giám sát, đốc thúc các Dự án triển khai theo đúng tiến độ. Xây dựng các kịch bản dự phòng để giảm thiểu thiệt hại từ sự tắc nghẽn chuỗi cung ứng, khan hiếm hàng hóa, biến động tỷ giá tác động đến thực hiện mục tiêu doanh thu, lợi nhuận Công ty.
- ▶ Ưu tiên hàng đầu cho công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ mới phục vụ kinh doanh với mục tiêu cập nhật và làm chủ các công nghệ tiên tiến, chuẩn bị sẵn sàng cho nhu cầu mới của thị trường, khách hàng. Chuyển đổi mô hình tổ chức Trung tâm R&D nhằm nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, xác lập lộ trình sản phẩm rõ ràng hơn để đồng bộ giữa hai mảng sản xuất và kinh doanh
- ▶ Nắm bắt cơ hội thực hiện các khoản đầu tư mới, nghiên cứu tính khả thi của các dự án đầu tư bất động sản theo đúng chiến lược kinh doanh của Công ty;
- ▶ Nợ phải thu được lập kế hoạch và bám sát tiến độ thu tiền từng kỳ nên hầu như các Hợp đồng mới không có tồn đọng lâu. Các khoản nợ khó đòi từ các năm trước vẫn tiếp tục được rà soát hồ sơ, phân loại tình trạng nợ để trích lập dự phòng hoặc thuê luật sư theo kiện. Công ty đã bắt đầu thu hồi được 1 số khoản nợ đọng.
- ▶ Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đào tạo phát triển nguồn lực kế cận, bổ nhiệm các cán bộ trẻ, năng động, sáng tạo cho các vị trí lãnh đạo, cán bộ chủ chốt. Tạo điều kiện tối ưu cho cấp quản lý lẫn nhân viên được chủ động theo đuổi các cơ hội mới, phong cách quản lý “Lãnh đạo chuyển đổi” được khuyến khích để truyền cảm hứng và thúc đẩy sự đổi mới trong từng đội nhóm/phòng ban.
- ▶ Xây dựng hình tượng con người mới của Elcom với các phẩm chất: Chủ động, Sáng tạo, Kỷ luật, Tử tế.

Năm 2022 tuy mục tiêu doanh thu, lợi nhuận chưa đạt được như mong muốn nhưng Ban điều hành đã thể hiện được sự chủ động, quyết liệt và linh hoạt trong công tác điều hành, đảm bảo công ăn việc làm, đảm bảo an toàn sức khỏe CBNV, chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng tâm thế đón nhận những cơ hội và thách thức trong tương lai.

Về giám sát công tác tài chính, kế toán của Công ty

- ▶ Các hoạt động kiểm tra của Ban kiểm soát được thực hiện định kỳ về rà soát số liệu tài chính, hệ thống kiểm soát để đưa ra ý kiến đánh giá độc lập về hoạt động kinh doanh và công tác quản trị của Công ty. Các ý kiến, kiến nghị đều được lập thành báo cáo gửi HĐQT và Ban điều hành Công ty.
- ▶ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP thực hiện và đưa ra Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp thuận toàn phần. Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:
 - Về kết quả kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022 (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	1.000	863	86%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	70	37	53%

Năm 2022, Công ty không hoàn thành kế hoạch. Một số nguyên nhân:

- Tình hình khan hiếm hàng hóa trên thế giới ảnh hưởng đến tiến độ nhập hàng dẫn đến việc triển khai của 1 số Hợp đồng ghi nhận doanh thu bị chậm;
- Lạm phát, tỷ giá biến động, chi phí tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận.
- Một số Hợp đồng tiến độ triển khai chậm, việc xử lý lỗi thiết bị, hoàn thiện hồ sơ chậm dẫn đến chưa ký được nghiệm thu, bàn giao theo kế hoạch.
- Về tài sản, nguồn vốn

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2021	
		Dư tại 31/12 (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Dư tại 31/12 (tỷ đồng)	Tỷ lệ
I	Tổng tài sản	1.144,88	100,00%	1.145,33	100,00%
1.	Tài sản ngắn hạn	821,0	71,71%	878,3	76,69%
2.	Tài sản dài hạn	323,9	28,29%	267,0	23,31%
II	Tổng nguồn vốn	1.144,88	100,00%	1.145,33	100,00%
1.	Nợ ngắn hạn	224,39	19,60%	267,97	23,40%
2.	Vay và nợ dài hạn	9,04	0,79%	8,97	0,78
3.	Vốn chủ sở hữu	911,44	79,61%	868,39	75,82%
	trong đó: Lợi ích CĐ không kiểm soát	25,25	2,77%	13,31	1,16%

Cơ cấu tài sản tập trung chủ yếu ở tài sản ngắn hạn, trong đó chủ yếu là phải thu khách hàng và hàng tồn kho. Trong tài sản dài hạn, đầu tư tài chính chiếm 72%. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn.

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
I	KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1.	Khả năng thanh toán tổng quát	lần	4,90	4,14
2.	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	3,66	3,28
3.	Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,11	2,76
II	CƠ CẤU VỐN, KHẢ NĂNG TỰ TÀI TRỢ			
1.	Hệ số nợ so với tổng tài sản	%	20,39	24,18
2.	Hệ số vay ngắn và dài hạn / tổng tài sản	%	1,77	2,74
3.	Hệ số vay ngắn và dài hạn / Vốn CSH	%	2,22	3,61
III	KHẢ NĂNG SINH LỜI			
1.	Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	5,10	8,76
2.	Tỷ suất LN trước thuế trên Vốn CSH	%	5,23	6,83
3.	ROE	%	4,20	5,84
4.	ROA	%	3,26	3,81

Các chỉ tiêu cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn tốt, hệ số nợ trong ngưỡng an toàn, tuy nhiên khả năng sinh lời năm 2022 giảm so với năm trước do lợi nhuận suy giảm.

- Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với quy định của Ủy ban chứng khoán.
- Công ty đã kê khai bên liên quan, giao dịch liên kết theo đúng quy định.
- Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông, giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó đã được rà soát đảm bảo các giao dịch trọng yếu được phê duyệt và trình bày phù hợp theo quy định về công khai lợi ích các bên liên quan.

Chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Công ty chi trả thù lao cho Ban kiểm soát năm 2022 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tổng thù lao chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm là: 132 triệu đồng.

Các chi phí khác: Chi phí đào tạo cập nhật kiến thức cho Ban Kiểm soát (4 triệu đồng).

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra.

Ban Kiểm soát đã đưa ý kiến đóng góp về hệ thống kiểm soát, quản trị rủi ro của Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp.

Kiến nghị và kết luận

Trải qua một năm đầy khó khăn và biến động khó lường, để chuẩn bị cho hoạt động của Công ty ổn định và phát triển trong thời gian tới, Ban Lãnh đạo Công ty lưu ý một số điểm trong công tác điều hành kinh doanh, quản trị doanh nghiệp:

- Tiếp tục theo dõi, đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ khó đòi, trích lập dự phòng theo quy định và phối hợp với luật sư liên hệ, đốc thúc thu hồi nợ.
- Rà soát đánh giá tình trạng hàng tồn kho lâu năm, xác định giá trị thuần có thể thực hiện được để trích lập dự phòng hoặc bán thanh lý để thu hồi vốn sớm.
- Đánh giá khả năng thu hồi vốn từ các khoản đầu tư cũ không hiệu quả để trích lập dự phòng phù hợp, quản lý, kiểm soát sát sao các khoản đầu tư mới.
- Xem xét việc sửa đổi quy định quản lý tài chính về phân cấp, phân quyền và quản lý đầu tư, tài sản; điều chỉnh chính sách nhân sự để củng cố và và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với văn hóa Công ty.

GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

- Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Chức vụ	Năm 2022 (triệu đồng)	Lợi ích khác
1	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	222,50	
2	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	144,5	
3	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	144,50	
4	Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	144,50	
5	Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng GĐ/Thành viên HĐQT	386,90	
6	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120,00	
7	Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	80,00	
8	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	40,00	
9	Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	389,30	Nhận thưởng 30.595 cổ phiếu quỹ
10	Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	556,00	Nhận thưởng 3.000 cổ phiếu quỹ
11	Ngô Kiều Anh	Trưởng BKS	315,88	
12	Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	304,75	
13	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên BKS	36,00	

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	54
Báo cáo Kiểm toán độc lập	57
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	65
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Vốn điều lệ của công ty là: 587.788.430.000 VND (Năm trăm tám mươi bảy tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 58.778.843 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/05/2022
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/05/2022
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về qui định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng

Số :/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM*

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh

*Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 0739-2023-133-1*

Kiểm toán viên

Phùng Văn Lữ

*Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 4075-2022-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		821.003.580.348	878.345.287.612
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	72.857.962.923	154.654.621.594
111	1. Tiền		31.357.962.923	118.932.163.512
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.500.000.000	35.722.458.082
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.a	83.288.003.000	27.245.487.699
121	1. Chứng khoán kinh doanh		723.320.938	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(435.317.938)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.000.000.000	27.245.487.699
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		535.120.948.675	556.366.668.916
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	429.608.842.347	429.460.309.137
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	89.080.199.692	123.025.012.931
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	5.732.000.000	6.292.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	8.a	51.921.358.247	32.255.770.005
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(41.221.451.611)	(34.666.423.157)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	123.929.814.709	138.755.044.899
141	1. Hàng tồn kho		123.929.814.709	138.755.044.899
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.806.851.041	1.323.464.504
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15.a	566.663.541	466.154.828
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.240.187.500	857.309.676
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
(Tiếp theo)				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		323.872.201.017	266.981.070.897
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.052.500.000	181.700.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		6.000.000.000	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	8.b	52.500.000	181.700.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		69.610.424.937	10.808.666.196
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	65.728.988.585	8.728.885.895
222	- Nguyên giá		150.193.474.910	87.619.347.126
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(84.464.486.325)	(78.890.461.231)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.881.436.352	2.079.780.301
228	- Nguyên giá		10.262.199.565	7.833.342.257
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.380.763.213)	(5.753.561.956)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	5.568.361.635	8.038.288.648
231	- Nguyên giá		6.744.124.331	10.190.534.149
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.175.762.696)	(2.152.245.501)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	1.082.965.521	246.601.885
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.082.965.521	246.601.885
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.b	234.876.137.896	244.355.714.848
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		117.755.454.700	128.012.500.588
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		123.357.748.457	123.357.748.457
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(6.237.065.261)	(7.014.534.197)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.681.811.028	3.350.099.320
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15.b	6.453.124.855	3.066.095.874
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		228.686.173	284.003.446
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.144.875.781.365	1.145.326.358.509

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
(Tiếp theo)				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		233.436.735.540	276.940.734.187
310	I. Nợ ngắn hạn		224.393.950.817	267.967.072.454
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	152.545.358.544	129.412.323.384
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	15.031.379.527	58.079.784.283
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	5.207.201.822	4.169.586.751
314	4. Phải trả người lao động		6.042.923.497	8.851.712.561
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	3.883.988.415	10.393.017.830
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	1.314.471.982	1.391.019.396
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21.a	11.135.254.015	11.843.812.494
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	20.251.200.000	31.385.928.049
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23.a	2.639.081.476	7.496.580.356
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.343.091.539	4.943.307.350
330	II. Nợ dài hạn		9.042.784.723	8.973.661.733
337	1. Phải trả dài hạn khác	21.b	2.591.698.900	2.591.698.900
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.b	-	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	23.b	6.451.085.823	6.381.962.833
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		911.439.045.825	868.385.624.322
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	911.439.045.825	868.385.624.322
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		587.788.430.000	509.282.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		587.788.430.000	509.282.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		85.409.783.716	86.677.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(1.349.334.820)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		41.410.255.576	41.410.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		166.376.331.752	213.858.698.235
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		135.069.228.235	165.746.469.178
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		31.307.103.517	48.112.229.057
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		25.254.244.781	13.306.565.331
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.144.875.781.365	1.145.326.358.509

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Chu Hồng Hạnh	Đặng Thị Thanh Minh	Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT				
Năm 2022				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	863.331.702.038	659.260.549.082
02	2. Các khoản giảm trừ	27	48.264.438	128.383.270
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	28	863.283.437.600	659.132.165.812
11	4. Giá vốn hàng bán	29	722.791.207.416	530.050.105.850
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		140.492.230.184	129.082.059.962
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	48.086.805.403	10.847.323.144
22	7. Chi phí tài chính	31	38.592.073.824	4.923.757.053
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		38.307.770.019	3.676.728.124
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		75.661.559	20.355.519.365
25	9. Chi phí bán hàng	32	44.995.293.772	40.036.046.250
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	57.631.718.055	54.565.236.220
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		47.435.611.495	60.759.862.948
31	12. Thu nhập khác	34	943.499.208	1.213.702.195
32	13. Chi phí khác	35	1.856.029.419	3.179.248.652
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(912.530.211)	(1.965.546.457)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		46.523.081.284	58.794.316.491
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	36	9.095.111.084	8.430.044.214
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		55.317.273	55.317.273
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		37.372.652.927	50.308.955.004
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		31.307.103.517	48.112.229.057
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		6.065.549.410	2.196.725.947
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	605	947

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Chu Hồng Hạnh	Đặng Thị Thanh Minh	Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Phương pháp gián tiếp			
Năm 2022			
Đơn vị tính: VND			
Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	46.523.081.284	58.794.316.491
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(21.113.898.100)	7.681.559.946
02	- Khấu hao tài sản cố định	6.201.226.351	7.394.161.230
03	- Các khoản dự phòng	989.183.629	5.930.910.654
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(167.118.966)	597.477.956
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(64.044.959.133)	(9.917.718.018)
06	- Chi phí lãi vay	38.307.770.019	3.676.728.124
07	- Các khoản điều chỉnh khác	(2.400.000.000)	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	25.409.183.184	66.475.876.437
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	6.892.782.816	69.834.693.785
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10.819.833.674	91.972.961.992
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(96.014.252.646)	(309.454.076.562)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.902.751.120)	473.523.579
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	(723.320.938)	67.295.740
14	- Tiền lãi vay đã trả	(38.307.770.019)	(3.676.728.124)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.293.012.691)	(12.606.409.301)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	481.085.438	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.353.345.409)	(464.712.292)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(103.991.567.710)	(97.377.574.745)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.341.392.727)	(4.010.624.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	2.707.867.511	19.045.909.091
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(15.560.000.000)	(14.370.487.699)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4.600.000.000	22.530.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(13.400.000.000)	(13.861.044.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.372.147.500	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	43.337.928.025	5.977.809.836
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	26.716.550.309	15.311.562.683

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
(Tiếp theo)			
Năm 2022			
Đơn vị tính: VND			
Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	2.432.938.536	500.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	45.950.073.358	217.949.786.751
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(52.764.801.407)	(255.593.107.124)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(142.159.140)	(30.324.000.210)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(4.523.948.653)	(67.467.320.583)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(81.798.966.054)	(149.533.332.645)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	154.654.621.594	305.194.698.884
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	2.307.383	(1.006.744.645)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	72.857.962.923	154.654.621.594

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Chu Hồng Hạnh	Đặng Thị Thanh Minh	Phạm Minh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 28 vào ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION

Tên Công ty viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ của công ty là: 587.788.430.000 VND (Năm trăm tám mươi bảy tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 58.778.843 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số cán bộ công nhân viên : 268 người

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;

- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó điều chỉnh những thay đổi của phần sở hữu công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty sau khi mua.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm.
- TSCĐ vô hình	05 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm.
- TSCĐ vô hình	05 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa

phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	Công ty con			
1	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Elcom plus	92,86%	92,86%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
3	Công Ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
4	Công ty CP ELCOMPRIME	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231 – 233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q1. TP. HCM
5	Công ty CP Đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	74,44%	74,44%	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.
6	Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	68,68%	68,68%	Tầng 6, số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
	Công ty liên kết			
1	Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
2	Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam	35,40%	35,40%	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
3	Công ty CP Công nghệ VFT	34,00%	34,00%	Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

b. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con
Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

(iv) Công ty liên kết
Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẻ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	617.140.757	533.336.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.740.822.166	118.398.826.909
Các khoản tương đương tiền	41.500.000.000	35.722.458.082
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 3 tháng</i>	<i>41.500.000.000</i>	<i>35.722.458.082</i>
Cộng	72.857.962.923	154.654.621.594

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	723.320.938	(435.317.938)	-	-
<i>Công ty chứng khoán SSI</i>	<i>723.320.938</i>	<i>(435.317.938)</i>	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	83.000.000.000	-	27.245.487.699	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	83.000.000.000	-	27.245.487.699	-
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội</i>	<i>32.000.000.000</i>	-	<i>7.893.706.170</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN</i>	<i>5.000.000.000</i>	-	<i>8.821.424.658</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Đô</i>		-	<i>4.830.356.871</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thăng Long</i>	<i>46.000.000.000</i>	-	<i>5.000.000.000</i>	-
<i>Ngân hàng Indovinabank</i>		-	<i>700.000.000</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt</i>		-	-	-
Cộng	83.723.320.938	(435.317.938)	27.245.487.699	-

(*) Bao gồm khoản tiền gửi đồng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất 6,4 %/năm đến 9%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn	SL cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	GT dự phòng	Giá gốc	GT dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết		117.755.454.700	-	117.755.454.700	128.012.500.588
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.047	5.841.470.658	-	5.841.470.658	5.841.463.627
Công ty CP máy tính & truyền thông Việt Nam	2.124.100	91.724.202.306	-	91.724.202.306	91.648.547.778
Công ty CP Công nghệ VFT	2.474.758	20.189.781.736		20.189.781.736	30.522.489.183
Đầu tư khác		123.357.748.457	(6.237.065.261)	117.120.683.196	123.357.748.457
Đầu tư cổ phiếu		78.933.482.500	(6.237.065.261)	72.696.417.239	78.933.482.500
Công ty CP Phát triển Đồng Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	(1.942.085.985)	26.647.914.015	28.590.000.000
Công ty CP tư vấn hạ tầng Viễn thông	840.000	6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Giải pháp Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500		2.148.349.500	2.148.349.500
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	19.095	115.000.000		115.000.000	115.000.000
Công ty CP Đầu tư & phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	(360.000.000)	-	(360.000.000)
Công ty CP Trung Vắn	371.699	26.985.200.000	(912.247.568)	26.072.952.432	26.985.200.000
Công ty CP Atani Holdings	1.473.493	14.734.933.000	(3.022.731.708)	11.712.201.292	14.734.933.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác	44.424.265.957	-	44.424.265.957	-	44.424.265.957
Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (**)	37.771.500.000	-	37.771.500.000	-	37.771.500.000
Công ty CP TRANSMEDIA	400.000.000	-	400.000.000	-	400.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì	5.862.765.957	-	5.862.765.957	-	5.862.765.957
Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	-	390.000.000	-	390.000.000
Cộng các khoản đầu tư	241.113.203.157	(6.237.065.261)	234.876.137.896	251.370.249.045	(7.014.534.197)
					244.355.714.848

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	58.132.715.176	53.663.715.176
Công ty TNHH KTCN cao QT Global	5.935.044.000	5.935.044.000
TĐ Viễn thông QĐ/Viettel	24.176.690.322	25.386.789.103
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	15.534.200.000
Cty CP N.D.C	80.727.070.580	45.150.590.644
Cục Hàng Hải Việt Nam		266.437.581
Tổng Công ty viễn thông Mobifone	2.501.448.428	22.303.948.671
Cty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	-	42.000.000.000
Các đối tượng khác	242.601.673.841	219.219.583.962
Cộng	429.608.842.347	429.460.309.137

b. Phải thu các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Cty CP Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	2.100.437.591	6.300.437.591
Cty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	597.770.779	597.770.779
Cộng		2.698.208.370	6.898.208.370

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP DV kỹ thuật DELTATECH	2.840.872.250	2.840.872.250
TWS International trading PTE LTD	-	26.709.516.000
Các đối tượng khác	86.239.327.442	93.474.624.681
Cộng	89.080.199.692	123.025.012.931

b. Trả trước cho các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Ông Trần Hùng Giang (*)	Thành viên HĐQT	4.030.000.000	4.030.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến	5.980.000.000	5.980.000.000
	Thắng - Chủ tịch HĐQT		
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên HĐQT	2.990.000.000	2.990.000.000
Cộng		13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012, được gia hạn đến 31/12/2022 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng toà nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán lại tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	5.732.000.000		6.292.000.000	
Cho vay khác (*)	5.732.000.000		6.292.000.000	-
b. Dài hạn	6.000.000.000		-	
Công ty CP Tấn Phát	6.000.000.000		-	
		-		-
Cộng	11.732.000.000	-	6.292.000.000	-

(*) Đây là các khoản cho vay với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu khác ngắn hạn	51.921.358.247	(6.261.845.048)	32.255.770.005	(6.461.845.048)
Bảo hiểm xã hội	-		1.125.000	
Bảo hiểm y tế	-		-	
Bảo hiểm thất nghiệp	-		90.000	
Tạm ứng	10.625.299.188	-	5.745.837.823	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	26.704.745.166	-	4.059.832.495	-
Phải thu khác ngắn hạn khác (*)	14.591.313.893	(6.261.845.048)	22.450.099.687	(6.461.845.048)
b. Phải thu khác dài hạn	52.500.000	-	181.700.000	-
Phải thu khác	52.500.000	-	181.700.000	-
Cộng	51.973.858.247	(6.261.845.048)	32.438.685.005	(6.461.845.048)

(*) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm	322.399.764	1.588.900.482
Phải thu lãi cho vay Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Phải thu tiền cho vay Công ty CP Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000
Phải thu lãi cho vay Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.716.209.769
Phải thu cổ tức từ Công ty CP tư vấn ĐT PT hạ tầng viễn thông	-	1.680.000.000
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	3.507.069.081	8.419.354.157
Cộng	14.591.313.893	22.450.099.687

c. Số dư với các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Cộng	3.539.885.279	3.539.885.279

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058		4.137.656.058	-
Công ty CP Công nghệ Vật liệu Mới	4.111.247.702		4.111.247.702	-
Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	17.846.327.583		25.386.789.103	7.540.461.520
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	10.873.940.000	15.534.200.000	10.873.940.000
Cty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	5.260.843.526	12.943.377.077	11.815.871.980
Đối tượng khác	2.783.426.717		2.783.426.717	-
Cộng	57.356.235.137	16.134.783.526	64.896.696.657	30.230.273.500

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.965.020.390	-	81.087.719.321	-
Thành phẩm	11.945.865.870	-	13.517.846.157	-
Hàng hoá	58.016.396.449	-	44.146.947.421	-
Cộng	123.929.814.709	-	138.755.044.899	-

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2022: 0 VND.

11. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Từ Liêm (*)	246.601.885	246.601.885
Mua sắm TSCĐ		
Mua xe ô tô Mishubishi	836.363.636	-
Cộng	1.082.965.521	246.601.885

(*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	-	62.161.476.859	11.080.277.636	12.313.204.958	2.064.387.673	87.619.347.126
Số tăng trong năm	54.545.454.545	125.892.727	3.346.510.909	2.488.092.876	2.068.176.727	62.574.127.784
- Mua trong năm		125.892.727	3.346.510.909	2.488.092.876	2.068.176.727	8.028.673.239
- Tăng do hợp nhất	54.545.454.545	-	-	-	-	54.545.454.545
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	54.545.454.545	62.287.369.586	14.426.788.545	14.801.297.834	4.132.564.400	150.193.474.910
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	60.564.242.390	5.942.365.152	10.374.327.237	2.009.526.452	78.890.461.231
Số tăng trong năm	2.181.818.184	73.524.394	1.259.511.123	1.584.686.037	474.485.356	5.574.025.094
- Khấu hao trong năm	2.181.818.184	73.524.394	1.259.511.123	1.584.686.037	474.485.356	5.574.025.094
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	2.181.818.184	60.637.766.784	7.201.876.275	11.959.013.274	2.484.011.808	84.464.486.325
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	1.597.234.469	5.137.912.484	1.938.877.721	54.861.221	8.728.885.895
Tại ngày cuối năm	52.363.636.361	1.649.602.802	7.224.912.270	2.842.284.560	1.648.552.592	65.728.988.585

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022:

83.667.741.935 VND

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	TSCĐ khác	Cộng
		VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	7.088.902.376	744.439.881	7.833.342.257
Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	2.428.857.308		2.428.857.308
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	9.517.759.684	744.439.881	10.262.199.565
GIA TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	5.705.500.778	48.061.178	5.753.561.956
Số tăng trong năm	627.201.257	-	627.201.257
- Khấu hao trong năm	627.201.257	-	627.201.257
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.332.702.035	48.061.178	6.380.763.213
GIA TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	1.383.401.598	696.378.703	2.079.780.301
Tại ngày cuối năm	3.185.057.649	696.378.703	3.881.436.352

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022: 8.934.639.881 VND

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	10.190.534.149	10.190.534.149
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(3.446.409.818)	(3.446.409.818)
Số cuối năm	6.744.124.331	6.744.124.331
GIA TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	2.152.245.501	2.152.245.501
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(976.482.805)	(976.482.805)
Số cuối năm	1.175.762.696	1.175.762.696
GIA TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	8.038.288.648	8.038.288.648
Tại ngày cuối năm	5.568.361.635	5.568.361.635

- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022: 0 VND

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho, chi phí khác	566.663.541	466.154.828
Cộng	566.663.541	466.154.828
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	4.249.330.925	1.973.219.740
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	2.203.793.930	1.092.876.134
Cộng	6.453.124.855	3.066.095.874

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	20.251.200.000	20.251.200.000	41.630.073.358	52.764.801.407	31.385.928.049	30.982.928.053		
Vay Ngân hàng	20.251.200.000	20.251.200.000	41.630.073.358	21.864.873.358	486.000.000	83.000.004		
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	20.251.200.000	20.251.200.000	32.459.333.358	12.208.133.358	-	-		
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	7.670.740.000	7.670.740.000	-	-		
- Vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV	-	-	1.500.000.000	1.986.000.000	486.000.000	83.000.004		
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	-	-	-	-		
Nợ Dài hạn đến hạn trả	-	-	-	30.899.928.049	30.899.928.049	30.899.928.049		
Vay dài đến hạn trả (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt)	-	-	-	30.899.928.049	30.899.928.049	30.899.928.049		
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-		
Cộng	20.251.200.000	20.251.200.000	41.630.073.358	52.764.801.407	31.385.928.049	31.385.928.049		

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số còn phải thu cuối năm		Số còn phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		2.259.072.949		36.766.806.457		36.642.808.392		-		2.383.071.014	
Thuế Xuất nhập khẩu	-		-		540.762.179		540.762.179		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.112.628.128		9.095.111.084		8.293.012.691		-		1.914.726.521	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		558.571.148		2.823.248.164		2.833.771.315		-		548.047.997	
Thuế nhà thầu	-		126.253.929		3.847.057.001		3.726.668.424		-		246.642.506	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		113.060.597		6.133.824		4.480.637		-		114.713.784	
Cộng	-		4.169.586.751		53.079.118.709		52.041.503.638		-		5.207.201.822	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ciena Communications Inc	66.312.038.876	66.312.038.876	3.091.601.958	3.091.601.958
TWS International Trading Pte Ltd	33.746.394.000	33.746.394.000	-	-
Comverse Network Ltd	11.081.696.520	11.081.696.520	73.914.535.130	73.914.535.130
ISG Technology Pte Ltd	-	-	1.803.248.672	1.803.248.672
Công ty CP kỹ thuật Toàn Cầu	-	-	13.081.452.010	13.081.452.010
Các đối tượng khác	41.405.229.148	41.405.229.148	37.521.485.614	37.521.485.614
Cộng	152.545.358.544	152.545.358.544	129.412.323.384	129.412.323.384

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công an tỉnh Thanh Hóa	-	-
Cục B05 - Bộ Công An	440.080.000	
Cục CSQL trại giam - Bộ Công An	8.427.378.500	
TT tin học	8.758.200.000	34.779.835.000
Công ty CP MOPHA	2.320.725.000	-
Các đối tượng khác	3.952.454.527	14.432.490.783
Cộng	15.031.379.527	58.079.784.283

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thực hiện dự án	3.689.073.746	9.858.705.564
Chi trả phải trả khác	194.914.669	534.312.266
Cộng	3.883.988.415	10.393.017.830

21. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.802.211.079	1.521.117.116
Phải trả cổ tức cho cổ đông	730.339.858	872.498.998
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	1.708.996.185
Phải trả hàng mang đi bảo hành	346.876.050	141.899.602
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	6.930.520.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	501.542.315	668.780.593
Cộng	11.135.254.015	11.843.812.494

(*) Bao gồm:

+ Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND.

b. Phải trả khác dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.591.698.900	2.591.698.900
Cộng	2.591.698.900	2.591.698.900

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Cho thuê văn phòng	1.314.471.982	1.391.019.396
Cộng	1.314.471.982	1.391.019.396

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.639.081.476	7.496.580.356
Cộng	2.639.081.476	7.496.580.356
b. Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	6.451.085.823	6.381.962.833
Cộng	6.451.085.823	6.381.962.833

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	509.282.430.000	88.677.010.000	(3.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	201.462.354.662	10.609.839.384	853.292.554.802
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	48.112.229.057	2.196.725.947	50.308.955.004
Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.560.000.000)	-	(1.560.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30.371.188.800)	-	(30.371.188.800)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	2.000.000.000	-	-	-	-	2.000.000.000
Chia lại cổ phiếu thường (3)	-	(2.000.000.000)	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.784.696.684)	-	(3.784.696.684)
Số dư đầu năm nay	509.282.430.000	86.677.010.000	(1.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	213.858.698.235	13.306.565.331	868.385.624.322
Tăng vốn trong kỳ (1)	2.116.530.000	-	-	-	-	(76.389.470.000)	-	(74.272.940.000)
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	31.307.103.517	6.065.549.410	37.372.652.927
Trích lập các quỹ (3)	-	-	-	-	-	(2.400.000.000)	-	(2.400.000.000)
Tăng khác	-	82.108.536	-	-	-	-	6.110.000.000	6.192.108.536
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ (2)	-	(1.349.334.820)	1.349.334.820	-	-	-	-	-
Chuyển lợi nhuận thành vốn góp (1)	76.389.470.000	-	-	-	-	-	-	76.389.470.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(227.869.960)	(227.869.960)
Số cuối năm	587.788.430.000	85.409.783.716	-	41.410.255.576	5.200.000.000	166.376.331.752	25.254.244.781	911.439.045.825

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư DT&T	20.713.410.000	3,52%	31.055.140.000	6,10%
- Ông Phan Chiến Thắng	55.049.410.000	9,37%	44.341.060.000	8,71%
- Ông Trần Hùng Giang	34.367.010.000	5,85%	29.884.370.000	5,87%
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	34.126.410.000	5,80%	29.675.150.000	5,82%
- Các cổ đông khác	443.532.190.000	75,46%	374.326.710.000	73,50%
	587.788.430.000	100%	509.282.430.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	509.282.430.000	509.282.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	78.506.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	587.788.430.000	509.282.430.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.778.843	50.928.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.778.843	50.928.243
- Cổ phiếu phổ thông	58.778.843	50.928.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	109.595
- Cổ phiếu phổ thông		109.595
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.778.843	50.818.648
- Cổ phiếu phổ thông	58.778.843	50.818.648
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

e. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	30.371.188.880
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	-	30.371.188.880
- Cổ tức đã chi trả trong năm	142.159.140	30.324.000.210

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	41.410.255.576	41.410.255.576
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngoại tệ các loại		
Đồng đô la Mỹ (USD)	78.501,11	3.077.451,20
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	18.307.777.778	18.307.777.778

26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	43.585.251.850	18.214.471.070
- Doanh thu bán hàng hóa	740.563.710.869	551.622.161.245
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.182.739.319	89.423.916.767
Cộng	863.331.702.038	659.260.549.082

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	48.264.438	128.383.270
Cộng	48.264.438	128.383.270

28. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	43.585.251.850	18.086.087.800
- Doanh thu bán hàng hóa	740.515.446.431	551.622.161.245
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.182.739.319	89.423.916.767
Cộng	863.283.437.600	659.132.165.812

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	7.526.327.854	3.921.865.322
- Giá vốn bán hàng hóa	681.234.627.904	479.648.587.231
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	34.030.251.658	46.479.653.297
Cộng	722.791.207.416	530.050.105.850

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	42.682.299.846	2.412.871.413
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	74.240.000	1.718.190.000
- Lãi chứng khoán kinh doanh	39.440.054	305.956.260
- Chiết khấu thanh toán được nhận		4.917.186.000
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	167.118.966	1.493.119.471
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.123.706.537	-
Cộng	48.086.805.403	10.847.323.144

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	38.307.770.019	3.676.728.124
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	614.077.435	1.418.082.200
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	597.477.956
- Chi phí tài chính khác	12.377.368	
- Chi phí dự phòng các khoản đầu tư	(342.150.998)	(768.531.227)
Cộng	38.592.073.824	4.923.757.053

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	29.279.300.541	22.008.817.117
- Chi phí khấu hao	1.188.655.506	1.672.157.526
- Chi phí dự phòng bảo hành	588.139.028	9.459.338.693
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.845.796.673	5.947.631.932
- Chi phí khác bằng tiền	1.093.402.024	948.100.982
Cộng	44.995.293.772	40.036.046.250

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	32.695.874.277	42.596.089.121
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.550.306.561	5.507.420.724
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.054.285.368	8.133.535.906
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.555.028.454	(4.603.028.277)
- Chi phí khác bằng tiền	6.776.223.395	2.931.218.746
Cộng	57.631.718.055	54.565.236.220

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	266.327.863	993.356.802
- Thu nhập khác	677.171.345	220.345.393
Cộng	943.499.208	1.213.702.195

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí chuyển nhượng BĐS	651.745.195	
- Chi phí khác	1.204.284.224	3.179.248.652
Cộng	1.856.029.419	3.179.248.652

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.095.111.084	8.430.044.214
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	55.317.273	55.317.273

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	31.307.103.517	48.112.229.057
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.307.103.517	48.112.229.057
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	51.751.016	50.818.648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	605	947

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC, hàng hóa	666.933.448.319	383.913.514.025
- Chi phí nhân công	68.146.160.685	67.341.341.783
- Chi phí khấu hao	6.201.226.351	7.394.161.230
- Chi phí bảo hành, dự phòng phải thu khó đòi	6.593.027.482	4.856.310.416
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.694.851.187	54.594.017.070
- Chi phí khác bằng tiền	25.123.360.949	12.399.486.964
Cộng	837.692.074.973	530.498.831.488

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.857.962.923	-	154.654.621.594	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	481.582.700.594	(41.221.451.611)	461.897.779.142	(34.666.423.157)
Các khoản cho vay	11.732.000.000		6.292.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	83.723.320.938	(435.317.938)	27.245.487.699	-
Đầu tư dài hạn	241.113.203.157	(6.237.065.261)	251.370.249.045	(7.014.534.197)
	891.009.187.612	(47.893.834.810)	901.460.137.480	(41.680.957.354)

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	20.251.200.000	31.385.928.049
Phải trả người bán, phải trả khác	166.272.311.459	143.847.834.778
Chi phí phải trả	3.883.988.415	10.393.017.830
	190.407.499.874	185.626.780.657

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.857.962.923	-	-	72.857.962.923
Phải thu khách hàng, phải thu khác	481.530.200.594	52.500.000	-	481.582.700.594
Các khoản cho vay	5.732.000.000	6.000.000.000	-	11.732.000.000
Đầu tư ngắn hạn	83.723.320.938			83.723.320.938
Đầu tư dài hạn	-	-	241.113.203.157	241.113.203.157
Cộng	643.843.484.455	6.052.500.000	241.113.203.157	891.009.187.612
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.654.621.594	-	-	154.654.621.594
Phải thu khách hàng, phải thu khác	461.716.079.142	181.700.000	-	461.897.779.142
Các khoản cho vay	6.292.000.000	-	-	6.292.000.000
Đầu tư ngắn hạn	27.245.487.699			27.245.487.699
Đầu tư dài hạn	-	-	251.370.249.045	251.370.249.045
Cộng	649.908.188.435	181.700.000	251.370.249.045	901.460.137.480

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	20.251.200.000	-	-	20.251.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác	163.680.612.559	2.591.698.900	-	166.272.311.459
Chi phí phải trả	3.883.988.415	-	-	3.883.988.415
Cộng	187.815.800.974	2.591.698.900	-	190.407.499.874
Số đầu năm				
Vay và nợ	31.385.928.049	-	-	31.385.928.049
Phải trả người bán, phải trả khác	141.256.135.878	2.591.698.900	-	143.847.834.778
Chi phí phải trả	10.393.017.830	-	-	10.393.017.830
Cộng	183.035.081.757	2.591.698.900	-	185.626.780.657

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (SP eBop)	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND		VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.585.251.850	740.515.446.431	79.182.739.319		863.283.437.600
Giá vốn của các bộ phận	7.526.327.854	681.234.627.904	34.030.251.658		722.791.207.416
Lợi nhuận gộp	36.058.923.996	59.280.818.527	45.152.487.661	-	140.492.230.184
Tổng chi phí mua tài sản cố định	269.674.984	4.581.790.461	489.927.282	-	5.341.392.727
Tài sản bộ phận	57.802.220.099	982.062.395.060	105.011.166.206	-	1.144.875.781.365
Tổng tài sản	57.802.220.099	982.062.395.060	105.011.166.206	-	1.144.875.781.365
Nợ phải trả các bộ phận	11.785.699.188	200.239.574.748	21.411.461.604	-	233.436.735.540
Tổng nợ phải trả	11.785.699.188	200.239.574.748	21.411.461.604	-	233.436.735.540

42. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Antani Holdings	Cùng thành viên HĐQT
Công ty NPT Solutions INC	Phan Đức Trung – GD Công ty INC người có liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ngô Trọng Hiếu TGD Công ty - em trai của Phó TGD Ngô Ngọc Hà

b. Giao dịch với bên liên quan

Công ty CP Antani Holdings

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi phạt chậm thanh toán	364.471.229	-
- Nhận tiền lãi chậm thanh toán	341.018.569	-
- Thu tiền cho thuê văn phòng	4.200.000.000	-

Công ty NPT Solutions INC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	2.419.725.600	-
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	2.414.269.350	-

Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá trị thuê Server, DV cước Cloud	258.656.918	-
- Thanh toán tiền dịch vụ	259.223.188	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm nay VND
- Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Điều hành		
+ Thu nhập HĐQT		1.282.900.000
Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	222.500.000
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	144.500.000
Ông Trần Hùng Giang	TV HĐQT	144.500.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	TV HĐQT	144.500.000
Ông Ngô Ngọc Hà	TV HĐQT, Phó TGD	386.900.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	120.000.000
Ông Đỗ Minh Tiến	TV HĐQT	80.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT đến ngày 28/04/2022	40.000.000
+ Thu nhập BKS		656.637.600
Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban kiểm soát	315.880.000
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	304.757.600
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên BKS	36.000.000
+ Thu nhập Ban Điều hành		945.308.000
Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	389.300.000
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	556.008.000

Ngoài thu nhập nêu trên, trong năm 2022, ông Phạm Minh Thắng nhận thưởng bằng cổ phiếu là 30.595 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, bà Đặng Thị Thanh Minh nhận thưởng bằng cổ phiếu là 3.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Chu Hồng Hạnh	Đặng Thị Thanh Minh	Phạm Minh Thắng

